

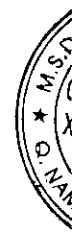
Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 49

IN 3
ÔNG
ÂY
VI
TƯ
100
CỔ
CH N
DE
VIỆ
Đ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Anh Minh	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm thành Quyền Tổng Giám đốc)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

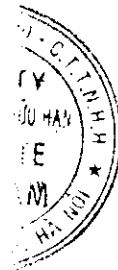
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Số: 976 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh số 9, 22 và 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoảng 564,7 tỷ VND là số dư gốc phải thu một số công ty liên quan đến việc Tổng Công ty thanh toán hộ hoặc cho các công ty này vay lại theo các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) và Tổng Công ty. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay của Tổng Công ty đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này và thực hiện hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích với số tiền khoảng 121 tỷ VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoảng 127 tỷ VND là giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, dự án đang trong quá trình dừng thực hiện và đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt để Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) nhận lại dự án từ Tổng Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Trong năm, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi, theo đó Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 126 tỷ VND. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải chấp các thư bảo lãnh.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND, hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD và hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu. Theo đó, trên cơ sở tái cấu trúc/sáp nhập/thanh lý các công ty con hiện tại, giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 3.210 tỷ VND, dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 564 tỷ VND và tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 16 tỷ VND. Các vấn đề này ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mai Hương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0897-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		7.140.579.812.720	6.575.171.260.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	953.397.259.046	985.295.272.239
1. Tiền	111		883.397.259.046	646.263.871.911
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	339.031.400.328
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	85.751.269.600	2.715.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		246.383.353.800	16.600.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(160.632.084.200)	(13.885.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.312.014.852.732	3.442.769.476.476
1. Phải thu khách hàng	131	7	826.881.645.925	462.956.204.175
2. Trả trước cho người bán	132	8	2.408.884.899.497	3.084.351.325.016
3. Các khoản phải thu khác	135	9	1.172.327.513.994	1.219.881.649.654
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.096.079.206.684)	(1.324.419.702.369)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.460.368.764.536	1.008.891.619.532
1. Hàng tồn kho	141		2.515.261.021.776	1.063.294.910.135
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54.892.257.240)	(54.403.290.603)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		329.047.666.806	1.135.499.892.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		515.609.751	235.698.911
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	24	217.246.331.823	75.530.253.677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	24	21.257.340.005	21.257.967.932
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	90.028.385.227	1.038.475.972.138
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		1.935.546.919.726	2.329.208.066.174
I. Tài sản cố định	220		196.386.251.959	195.721.600.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	32.861.504.720	34.693.041.621
- Nguyên giá	222		74.139.622.098	69.215.151.267
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.278.117.378)	(34.522.109.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	11.109.217.190	13.179.108.405
- Nguyên giá	225		14.253.750.000	14.253.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.144.532.810)	(1.074.641.595)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	80.541.855	507.972.669
- Nguyên giá	228		4.652.380.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.571.838.485)	(4.144.407.671)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	152.334.988.194	147.341.477.928
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.511.365.775.191	2.036.556.611.786
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	1.953.830.238.563	2.476.917.161.563
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	876.188.907.055	362.588.907.055
3. Đầu tư dài hạn khác	258	18	267.259.968.199	572.576.021.999
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	19	(1.585.913.338.626)	(1.375.525.478.831)
III. Tài sản dài hạn khác	260		227.794.892.576	96.929.853.765
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	84.357.691.088	96.929.853.765
2. Tài sản dài hạn khác	268	21	143.437.201.488	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.076.126.732.446	8.904.379.327.079

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.208.651.772.167	8.089.403.078.474
I. Nợ ngắn hạn	310		7.156.572.861.352	7.969.675.513.436
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	22	62.244.687.320	1.017.278.669.303
2. Phải trả người bán	312		1.417.771.650.865	368.742.132.079
3. Người mua trả tiền trước	313	23	4.123.979.993.088	5.381.218.619.862
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	24	1.820.783.758	1.853.043.021
5. Phải trả người lao động	315		38.187.594.077	16.993.010.333
6. Chi phí phải trả	316	25	404.324.891.281	274.125.652.677
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	26	1.115.824.472.036	916.995.597.234
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(7.581.211.073)	(7.531.211.073)
II. Nợ dài hạn	330		1.052.078.910.815	119.727.565.038
1. Vay và nợ dài hạn	334	27	961.298.506.991	27.809.212.328
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		6.526.540.293	7.691.993.917
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		84.253.863.531	84.226.358.793
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		867.474.960.279	814.976.248.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	867.474.960.279	814.976.248.605
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.731.619.459	35.731.619.459
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		41.255.373.275	41.255.373.275
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500.000.000	500.000.000
6. Lỗi lũy kế	420		(3.209.982.322.455)	(3.262.481.034.129)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.076.126.732.446	8.904.379.327.079

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại:			
- Đô la Mỹ	USD	33.622.465	68.848.955
- Euro	EUR	-	8



Vũ Thị Thu Hải
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	6.453.223.605.152	2.269.782.948.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	-	201.586.944
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	6.453.223.605.152	2.269.581.361.410
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	6.416.008.600.190	2.305.303.152.914
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.215.004.962	(35.721.791.504)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	116.618.145.800	85.548.916.843
7. Chi phí tài chính	22	32	259.502.933.371	1.051.306.683.553
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(43.536.395.530)	57.928.665.863
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	33	(167.388.245.118)	865.120.284.510
9. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		61.718.462.509	(1.866.599.842.724)
10. Thu nhập khác	31		579.963.961	998.218.943
11. Chi phí khác	32		10.965.168.420	64.068.030.027
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(10.385.204.459)	(63.069.811.084)
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		51.333.258.050	(1.929.669.653.808)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	-	-
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.165.453.624)	(2.505.725.291)
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		52.498.711.674	(1.927.163.928.517)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



Vũ Thị Thu Hải
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>51.333.258.050</i>	<i>(1.929.669.653.808)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.253.329.761	11.232.613.715
Các khoản dự phòng	03	129.283.414.947	1.493.175.706.277
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(917.258.008)	(11.411.381.424)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(36.400.948.905)	(33.988.324.790)
Chi phí lãi vay	06	(43.536.395.530)	57.928.665.863
<i>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>109.015.400.315</i>	<i>(412.732.374.167)</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	818.155.517.057	1.178.168.456.771
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.451.966.111.641)	(706.718.091.995)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.606.271.990.277	502.849.947.479
Thay đổi chi phí trả trước	12	12.292.251.837	17.880.624.044
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.873.314.467)	(21.415.746.506)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.233.879.240.580)	(5.727.564.224)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(145.983.507.202)</i>	<i>552.305.251.402</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.290.279.284)	(508.354.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	154.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	50.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(30.471.110.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	85.816.159.681	221.269.276.567
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.104.300.932	73.980.191.773
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>135.630.181.329</i>	<i>314.424.003.795</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	380.372.219.769	584.625.827.637
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(399.411.093.089)	(687.689.264.204)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.505.814.000)	(14.993.913.958)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.544.687.320)	(118.057.350.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(31.898.013.193)	748.671.904.672
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	985.295.272.239	236.623.367.567
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	953.397.259.046	985.295.272.239

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh bao gồm 1.053.670.591.271 VND là số tiền ký quỹ giá trị còn lại của L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và 95.292.451.778 VND là số tiền ký quỹ để mở bảo lãnh thực hiện gói thầu xây dựng số 6 - Dự án tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.



Vũ Thị Thu Hải
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.330.000 VND, chiếm 54,54%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 477 người (31 tháng 12 năm 2013: 410 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 3.210 tỷ VND, dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 564 tỷ VND và tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 16 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2015 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Tổng Công ty sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và nợ, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Năm 2014

Số năm

6 - 10

Phương tiện vận tải

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm/kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Trong năm 2014, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế khoảng 99,7 tỷ VND có thể khấu trừ với lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong ứng với số lỗ trên do Tổng Công ty không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.202.710.388	1.351.139.408
Tiền gửi ngân hàng	881.194.548.658	644.912.732.503
Các khoản tương đương tiền (i)	70.000.000.000	339.031.400.328
	953.397.259.046	985.295.272.239

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	246.383.353.800	16.600.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico (*)</i>	136.068.065.000	-
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL) (*)</i>	49.200.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (*)</i>	30.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	14.600.000.000	14.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (*)</i>	13.200.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)</i>	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG) (*)</i>	1.315.288.800	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(160.632.084.200)	(13.885.000.000)
	85.751.269.600	2.715.000.000

(*) Các công ty được phân loại lại từ đầu tư tài chính dài hạn khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 18.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	585.960.534.745	293.809.381.523
Phải thu các bên khác	240.921.111.180	169.146.822.652
	826.881.645.925	462.956.204.175

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim (*)	871.808.649.161	1.294.644.589.403
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	266.427.543.344	240.972.016.940
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	246.661.731.693	-
FLSmith Wadgassen	174.599.500.950	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	131.749.756.306	141.646.390.893
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	114.483.827.972	58.160.405.920
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	112.839.334.990	105.642.432.925
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	106.399.634.923	306.537.365.146
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	46.739.161.921	54.819.883.894
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	43.268.715.063	194.007.792.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	42.990.348.195	38.651.627.210
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	27.387.208.976	15.465.135.195
Tập đoàn Sojitz	-	367.013.493.064
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	55.442.936.238
Các khoản khác	181.313.616.703	169.131.386.875
	<u>2.408.884.899.497</u>	<u>3.084.351.325.016</u>

(*) Khoản trả trước cho Công ty Công nghiệp Daelim liên quan đến hợp đồng mua thiết bị dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	221.556.865.576	234.303.778.624
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	219.191.643.621	230.897.822.683
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	132.792.425.208	135.398.696.795
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	115.767.136.834	126.851.487.558
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	98.214.486.434	100.682.193.067
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (ii)	85.447.703.469	85.447.703.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	45.477.848.975	45.477.848.975
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	40.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	39.522.897.671	11.285.657.727
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	25.399.278.480	19.807.228.033
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	23.575.990.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	21.617.935.844	19.406.162.448
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	16.204.792.025	16.204.792.025
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCComBank)	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10.072.903.867	10.072.903.867
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	5.400.393.753	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.832.243.987	5.766.233.001
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	152.240.000	16.384.887.863
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	-	19.328.869.681
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	-	215.030.214
Các khoản phải thu khác	53.600.728.250	54.874.363.624
	<u>1.172.327.513.994</u>	<u>1.219.881.649.654</u>

(i) Số dư phải thu các công ty này chủ yếu bao gồm (a): số tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) tiền nhận chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 và số tiền Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh theo Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) và Tổng Công ty. Số dư nợ gốc các khoản nêu trên là khoảng 564,7 tỷ VND và nợ lãi là khoảng 53,4 tỷ VND. Như trình bày tại Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã làm việc với các công ty này và đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này và thực hiện hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích với số tiền khoảng 121 tỷ VND; (b): phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An cho PVNC với số tiền khoảng 73,9 tỷ VND; (c): phải thu cổ tức và tiền hỗ trợ vốn cho Petroland với số tiền khoảng 67,4 tỷ VND.

(ii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (PVC - IMICO) tại SHB - Chi nhánh Thăng Long và thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền lần lượt là 39.213.925.313 VND và 46.233.778.156 VND. Do không đồng ý với việc khấu trừ tiền nói trên của SHB cũng như chưa thống nhất được phương án giải quyết vụ việc sau nhiều cuộc họp, làm việc giữa Tổng Công ty, SHB và PVC - IMICO, Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

(iii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện khoản tiền ngân hàng này đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 38).

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.604.492.800	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	2.512.656.528.976	1.063.294.910.135
	2.515.261.021.776	1.063.294.910.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(54.892.257.240)	(54.403.290.603)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.460.368.764.536	1.008.891.619.532

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2	2.079.336.223.014	801.750.067.464
NMNĐ Vũng Áng và NMNĐ Quảng Trạch	320.611.051.744	207.286.139.817
Các công trình khác	112.709.254.218	54.258.702.854
	2.512.656.528.976	1.063.294.910.135

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng	9.218.884.162	6.475.650.070
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	80.809.501.065	1.032.000.322.068
	90.028.385.227	1.038.475.972.138

(*) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm số tiền 80.375.460.590 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.014.073.652.114 VND) là số tiền ký quỹ để mở thanh toán cho các L/C nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/VCB-PVC ký ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	27.959.629.695	1.988.551.982	25.336.297.938	13.930.671.652	69.215.151.267
Tăng do mua sắm	-	580.805.999	1.697.161.819	148.500.000	2.426.467.818
Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành	2.498.003.013	-	-	-	2.498.003.013
Tại ngày 31/12/2014	30.457.632.708	2.569.357.981	27.033.459.757	14.079.171.652	74.139.622.098
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	6.538.660.626	1.632.611.113	12.759.772.849	13.591.065.058	34.522.109.646
Khấu hao trong năm	1.806.022.087	263.412.879	4.089.523.906	597.048.860	6.756.007.732
Phân loại lại	10.734.318	-	531.452.872	(542.187.190)	-
Tại ngày 31/12/2014	8.355.417.031	1.896.023.992	17.380.749.627	13.645.926.728	41.278.117.378
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	22.102.215.677	673.333.989	9.652.710.130	433.244.924	32.861.504.720
Tại ngày 31/12/2013	21.420.969.069	355.940.869	12.576.525.089	339.606.594	34.693.041.621

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 17.895.577.163 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 12.100.231.298 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	14.253.750.000
Tại ngày 31/12/2014	14.253.750.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	1.074.641.595
Khấu hao trong năm	2.069.891.215
Tại ngày 31/12/2014	3.144.532.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	11.109.217.190
Tại ngày 31/12/2013	13.179.108.405

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	4.652.380.340
Tại ngày 31/12/2014	4.652.380.340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	4.144.407.671
Khấu hao trong năm	427.430.814
Tại ngày 31/12/2014	4.571.838.485
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	80.541.855
Tại ngày 31/12/2013	507.972.669

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (*)	126.934.364.601	126.752.546.419
Dự án Tháp dầu khí	12.524.271.679	12.524.271.679
Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
Các công trình khác	8.992.366.929	4.180.674.845
	152.334.988.194	147.341.477.928

(*) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã có Quyết định số 238/QĐ-DKVN ngày 09 tháng 01 năm 2014 về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN về việc chuyển giao cho Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư Khu công nghiệp Tàu thủy Soài Rạp - Tiền Giang, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN có Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại dự án từ Tổng Công ty. Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ được PVN thanh toán đầy đủ cho các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2013 VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	253.851.110.000	253.851.110.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	195.150.582.565	201.637.505.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) (ii)	Đà Nẵng	-	76.500.000.000	49%	49%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (ii)	Hà Nội	-	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (ii)	Hà Nội	-	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH) (ii)	Thanh Hóa	-	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
14	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (ii)	Thanh Hóa	-	57.000.000.000	30%	41%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
			1.953.830.238.563	2.476.917.161.563			

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát đối với PVC-MT, PVC-HN, PVC-ME, PVC-TH và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này cũng chiếm từ trên 20% đến dưới 50%. Theo đó, khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết.

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLTK phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát các công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2013 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	2.600.000.000	26%	26%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG	Hà Nội	100.000.000.000	100.000.000.000	26%	26%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	63.900.000.000	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sóng Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (ii)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i)	Hà Nội	107.500.000.000	-	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	200.000.000.000	-	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH) (i)	Thanh Hóa	75.600.000.000	-	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	Thanh Hóa	57.000.000.000	-	30%	41%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
14	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	73.500.000.000	-	49%	49%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			876.188.907.055	362.588.907.055			

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát đối với PVC-MT, PVC-HN, PVC-ME, PVC-TH và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này cũng chiếm từ trên 20% đến dưới 50%. Theo đó, khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết.

(ii) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày tương ứng là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLKD phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn nắm quyền ảnh hưởng đáng kể tới các công ty liên kết.

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

STT	Đầu tư dài hạn khác	31/12/2014	Tỷ lệ phần	31/12/2013	Tỷ lệ phần
		VND	sở hữu	VND	sở hữu
			%		%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	15%	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	-	0%	136.068.065.000	16%
8	Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)	-	0%	86.100.000.000	14%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	-	0%	30.000.000.000	10%
10	Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	-	0%	13.200.000.000	6%
11	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	-	0%	37.500.000.000	14%
12	Các khoản đầu tư dài hạn khác	8.295.000.000		10.742.988.800	
		267.259.968.199		572.576.021.999	

Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 10 năm 2014 phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015. Tổng Công ty đã và sẽ thực hiện thoái vốn tại một số công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2014 và 2015 theo phương thức thực hiện là khớp lệnh/thỏa thuận. Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại các khoản đầu tư dài hạn khác sang đầu tư chứng khoán ngắn hạn và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với khoản đầu tư vào các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

19. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	798.111.600.855	1.067.405.019.013
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên kết	627.092.976.754	135.142.864.761
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	160.708.761.017	172.977.595.057
	1.585.913.338.626	1.375.525.478.831

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	80.179.056.812	93.041.123.715
Chi phí dài hạn khác	4.178.634.276	3.888.730.050
	<u>84.357.691.088</u>	<u>96.929.853.765</u>

21. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện số tiền Tổng Công ty ký quỹ để mở bảo lãnh thực hiện gói thầu xây dựng số 6 - Dự án tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

22. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	40.700.000.000	995.733.981.983
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	-	955.033.981.983
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (ii)	40.700.000.000	40.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	19.038.873.320	19.038.873.320
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	2.505.814.000	2.505.814.000
	<u>62.244.687.320</u>	<u>1.017.278.669.303</u>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Do đó, Tổng Công ty đã phân loại lại khoản vay này sang vay dài hạn.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Do đó, Tổng Công ty chưa giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu bao gồm số tiền nhận trước từ Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với số tiền 3.836.621.594.448 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.711.835.417.678 VND) liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

24. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Phải (thu)/nộp tại ngày 01/01/2014		Phải (thu)/nộp tại ngày 31/12/2014	
	VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.006.659.848	62.004.165.310	63.010.825.158	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	569.763.902.380	569.763.902.380	-
Thuế nhập khẩu	-	109.200.191	109.200.191	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.256.556.285)	-	-	(21.256.556.285)
Thuế thu nhập cá nhân	846.383.173	5.638.979.585	4.664.579.000	1.820.783.758
Thuế khác	(1.411.647)	38.487.527	37.859.600	(783.720)
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	10.781.047.751	10.781.047.751	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(19.404.924.911)	648.335.782.744	648.367.414.080	(19.436.556.247)

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	21.257.967.932	21.257.340.005
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.853.043.021	1.820.783.758

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin hoàn thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	388.431.024.326	265.163.007.788
Chi phí phải trả khác	15.893.866.955	8.962.644.889
	404.324.891.281	274.125.652.677

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	206.690.430.513	333.038.823.140
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	230.338.957.574	226.534.966.364
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC (ii)	193.751.441.596	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	76.281.343.205	177.051.706.804
Sở Tài chính Hà Nội (iv)	41.405.472.584	41.405.472.584
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	15.030.542.964	15.030.542.964
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (v)	5.533.782.157	5.533.782.157
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	346.792.501.443	118.400.303.221
	1.115.824.472.036	916.995.597.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) bao gồm: (a) giá trị 10.000.000 cổ phần nhận chuyển nhượng với giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2010, (b) giá trị 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15 tháng 7 năm 2010 ký với PVN, và (c) vốn PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Các khoản phải trả này đã quá hạn thanh toán từ năm 2011.

(ii) Khoản phải trả PTSC thể hiện số tiền PTSC đã đứng ra thanh toán hộ các thầu phụ tại công trình thi công nạo vét lần đầu các công trình biển - Dự án liên hiệp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

(iii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty khác theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho OceanBank. Theo Công văn số 2029/CV-TGD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 22.

(iv) Khoản phải trả Sở Tài chính Hà Nội thể hiện số tiền chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá bán chỉ định cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, Hà Nội sau khi trừ đi các khoản chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp Tổng Công ty đã nộp trong năm 2010.

(v) Thể hiện lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long như trình bày tại Thuyết minh số 22.

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	974.072.855.303	38.077.746.640
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)</i>	<i>955.033.981.983</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)</i>	<i>19.038.873.320</i>	<i>38.077.746.640</i>
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	8.770.339.008	11.276.153.008
	<u>982.843.194.311</u>	<u>49.353.899.648</u>
Trong đó		
Số phải trả trong vòng 12 tháng	21.544.687.320	21.544.687.320
Số phải trả sau 12 tháng	961.298.506.991	27.809.212.328

(i) Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ii) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương phát sinh do Tổng Công ty nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng Chuyển giao Quyền và Nghĩa vụ ba bên giữa Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC - ME), Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ là trả nợ vay trung hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND, thời hạn trả nợ khoản vay là ngày 03 tháng 9 năm 2015, lãi suất của khoản vay trong năm từ 10%/năm đến 11%/năm; và Tổng Công ty có quyền nhận chuyển nhượng một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải có giá trị còn lại được định giá 50.460.901.290 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn trên. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVC - ME vẫn chưa chuyển giao quyền sở hữu những tài sản này cho Tổng Công ty.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.038.873.320	19.038.873.320
Trong năm thứ hai	-	19.038.873.320
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	955.033.981.983	-
	<u>974.072.855.303</u>	<u>38.077.746.640</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	19.038.873.320	19.038.873.320
Số phải trả sau 12 tháng	<u>955.033.981.983</u>	<u>19.038.873.320</u>

(iii) Nợ thuê tài chính dài hạn với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số 39.13.01/CTTC ngày 15 tháng 5 năm 2013. Theo đó, Tổng Công ty nhận lại nợ thuê tài chính và tài sản thuê tài chính của PVC - ME tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Thời gian thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính trong kỳ là 11,4%/năm.

Khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.505.814.000	2.505.814.000
Trong năm thứ hai	2.505.814.000	2.505.814.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.758.711.008	6.264.525.008
	<u>8.770.339.008</u>	<u>11.276.153.008</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.505.814.000	2.505.814.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>6.264.525.008</u>	<u>8.770.339.008</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác		Lỗi lũy kế		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	4.000.000.000.000	(29.710.000)	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(1.333.704.318.547)	2.743.752.964.187							
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(1.927.163.928.517)	(1.927.163.928.517)							
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.612.787.065)	(1.612.787.065)							
Tại ngày 01/01/2014	4.000.000.000.000	(29.710.000)	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(3.262.481.034.129)	814.976.248.605							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.498.711.674	52.498.711.674							
Tại ngày 31/12/2014	4.000.000.000.000	(29.710.000)	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(3.209.982.322.455)	867.474.960.279							

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.181.733.330.000	54,54	2.181.733.330.000	54,54
Các cổ đông khác	1.818.266.670.000	45,46	1.818.266.670.000	45,46
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	6.409.593.283.565	2.245.805.140.264
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.630.321.587	23.977.808.090
	6.453.223.605.152	2.269.782.948.354
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	201.586.944
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.453.223.605.152	2.269.581.361.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.370.131.522.490	2.280.924.204.125
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.877.077.700	24.378.948.789
	6.416.008.600.190	2.305.303.152.914

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.471.150.050	33.116.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.800.526.383	25.235.695.110
Lãi tiền gửi	16.614.695.080	17.378.908.970
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phần	7.540.300.000	340.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.191.474.287	9.478.312.763
	116.618.145.800	85.548.916.843

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	31.225.196.225	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	357.134.943.995	689.638.012.223
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	(126.348.392.627)	297.254.289.918
Chi phí lãi vay (ii)	(43.536.395.530)	57.928.665.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.916.621.683	-
Chi phí tài chính khác	2.110.959.625	6.485.715.549
	259.502.933.371	1.051.306.683.553

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2014, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 126 tỷ VND.

(ii) Chi phí lãi vay bao gồm chi phí lãi của khoản vay tại OceanBank. Như trình bày tại Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, thời điểm thanh toán các khoản vay tại OceanBank đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và áp dụng lãi suất 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, Tổng Công ty tính lại chi phí lãi vay chênh lệch do áp dụng lãi suất mới của các khoản vay tại OceanBank và điều chỉnh chi phí lãi vay trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí dự phòng	(107.181.099.184)	749.134.403.451
Hoàn nhập dự phòng phải thu (*)	(121.159.396.501)	-
Chi phí lương	38.683.984.167	61.726.810.570
Chi phí vật liệu quản lý	1.545.624.357	3.483.292.103
Chi phí đồ dùng văn phòng	510.082.440	1.799.665.980
Chi phí khấu hao	2.660.582.740	9.317.387.416
Thuế, phí, lệ phí	341.558.332	545.084.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.361.645.762	22.215.385.138
Chi phí bằng tiền khác	8.848.772.769	16.898.255.035
	(167.388.245.118)	865.120.284.510

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho một số công ty vay lại và thực hiện hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích với số tiền khoảng 121 tỷ VND (số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi liên quan đến số dư gốc phải thu các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoảng 355 tỷ VND).

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.509.368.577	5.282.958.083
Chi phí nhân công	90.186.796.042	79.341.610.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.253.329.761	11.232.613.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.661.035.235.812	2.960.848.397.643
Chi phí dự phòng	(227.851.529.048)	803.537.694.054
Chi phí bằng tiền khác	8.848.772.769	16.898.255.035
	7.697.981.973.913	3.877.141.529.419

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐÀU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	51.333.258.050	(1.929.669.653.808)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(169.819.542.677)	(33.116.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(43.471.150.050)	(33.116.000.000)
- Hoàn nhập dự phòng bảo lãnh	(126.348.392.627)	-
Cộng:	18.737.744.376	368.786.154.360
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.112	5.827.268.119
- Chi phí không được khấu trừ	12.910.476.264	65.704.596.323
- Các khoản dự phòng	-	297.254.289.918
Thu nhập chịu thuế	(99.748.540.251)	(1.593.999.499.448)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Tổng Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do không có thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 27 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	1.023.543.194.311	1.045.087.881.631
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	953.397.259.046	985.295.272.239
Nợ thuần	70.145.935.265	59.792.609.392
Vốn chủ sở hữu	<u>867.474.960.279</u>	<u>814.976.248.605</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,08</u>	<u>0,07</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ tại ngày</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	953.397.259.046	985.295.272.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	903.129.953.235	358.418.151.460
Đầu tư ngắn hạn	85.751.269.600	2.715.000.000
Các khoản ký quỹ	224.246.702.553	1.032.000.322.068
Đầu tư dài hạn	106.551.207.182	399.598.426.942
Tổng cộng	<u>2.273.076.391.616</u>	<u>2.778.027.172.709</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.023.543.194.311	1.045.087.881.631
Phải trả người bán và phải trả khác	2.533.377.529.345	1.285.364.373.563
Chi phí phải trả	404.324.891.281	274.125.652.677
Tổng cộng	<u>3.961.245.614.937</u>	<u>2.604.577.907.871</u>

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.529.509.081.036	49.218.922.771	718.848.301.700	1.451.680.211.325

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với Đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm 2014 và lỗ trước thuế trong năm 2013 của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(81.066.077.934)	(140.246.128.855)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng và lỗ trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/(giảm) với số tiền tương ứng như sau:

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(556.184.247)
VND	(200)	556.184.247
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	987.077.993
VND	(200)	(987.077.993)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Quyết định số 967/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 10 năm 2014, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2015 (Như trình bày tại Thuyết minh số 39).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	953.397.259.046	-	953.397.259.046
Phải thu khách hàng và phải thu khác	903.129.953.235	-	903.129.953.235
Đầu tư tài chính	85.751.269.600	106.551.207.182	192.302.476.782
Các khoản ký quỹ	224.246.702.553	-	224.246.702.553
	2.166.525.184.434	106.551.207.182	2.273.076.391.616
Phải trả người bán và phải trả khác	2.533.377.529.345	-	2.533.377.529.345
Chi phí phải trả	404.324.891.281	-	404.324.891.281
Các khoản vay và nợ	62.244.687.320	961.298.506.991	1.023.543.194.311
	2.999.947.107.946	961.298.506.991	3.961.245.614.937
Chênh lệch thanh khoản thuần	(833.421.923.512)	(854.747.299.809)	(1.688.169.223.321)
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	985.295.272.239	-	985.295.272.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	358.418.151.460	-	358.418.151.460
Đầu tư tài chính	2.715.000.000	399.598.426.942	402.313.426.942
Các khoản ký quỹ	1.032.000.322.068	-	1.032.000.322.068
	2.378.428.745.767	399.598.426.942	2.778.027.172.709
Phải trả người bán và phải trả khác	1.285.364.373.563	-	1.285.364.373.563
Chi phí phải trả	274.125.652.677	-	274.125.652.677
Các khoản vay và nợ	1.017.278.669.303	27.809.212.328	1.045.087.881.631
	2.576.768.695.543	27.809.212.328	2.604.577.907.871
Chênh lệch thanh khoản thuần	(198.339.949.776)	371.789.214.614	173.449.264.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	5.068.718.565.626	1.735.076.326.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn - PVN	426.466.346.443	53.099.357.124
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	224.979.026.680	60.092.600.083
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	29.358.287.795	110.901.502
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	3.163.180.230	17.979.453.633
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	2.585.641.541	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	1.091.189.244	4.841.532.363
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	604.512.100	6.203.979.879
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	453.559.807	1.770.533.069
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	-	165.326.071.912
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	324.591.604.627	59.191.211.081
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	263.172.000.240	71.914.590.614
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	171.142.514.573	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	142.094.745.980	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	78.917.729.468	111.965.227.480
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	29.286.722.200	25.881.485.741
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	20.906.349.050	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	8.071.730.350	13.226.567.708
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	7.821.841.600	14.558.604.432
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	2.980.110.323	11.751.410.047
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	2.804.537.960	3.595.435.167
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	2.596.151.160	1.575.100.693
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	2.445.239.610	19.328.869.681
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	-	11.821.010.115
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	-	1.714.182.182
Cổ tức được nhận trong năm		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	39.505.022.050	27.030.000.000
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	1.500.000.000	-
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	(49.322.815.892)	34.010.983.414
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.799.309.601	5.212.329.551

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	361.813.628.398	58.726.669.884
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	94.661.420.412	97.249.571.594
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	38.108.793.004	9.446.793.927
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	24.290.046.982	25.884.387.188
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	13.905.176.495	13.905.176.504
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	5.118.148.406	5.118.148.406
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	3.698.220.476	4.547.977.133
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất - PVN	2.471.275.614	2.753.809.610
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	290.654.055	7.459.604.837
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	636.039.038	2.885.096.818
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	88.473.000	19.998.550.555
Ban Quản lý Dự án Cụm Khí-Điện-Đạm Cà Mau - PVN	987.236	1.955.923.438
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	-	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	221.556.865.576	234.303.778.624
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	219.191.643.621	230.897.822.683
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	132.792.425.208	135.398.696.795
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	98.214.486.434	100.682.193.067
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	39.522.897.671	11.285.657.727
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	25.399.278.480	19.807.228.033
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	16.204.792.025	16.204.792.025
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	10.072.903.867	10.072.903.867
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	5.400.393.753	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	4.832.243.987	5.766.233.001
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	2.068.154.052	2.008.154.052
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	152.240.000	16.384.887.863
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	-	19.328.869.681
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	-	215.030.214

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính (Tiếp theo):

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	114.483.827.972	58.160.405.920
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	112.839.334.990	105.642.432.925
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	106.399.634.923	306.537.365.146
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	43.268.715.063	194.007.792.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	42.990.348.195	38.651.627.210
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	27.387.208.976	15.465.135.195
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	13.430.927.135	13.238.056.935
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	-	6.791.200.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	-	55.442.936.238
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	3.836.621.594.448	4.711.835.417.678
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	7.918.751.144	7.918.751.144
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	4.795.814.624	4.795.814.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	2.782.171.038	2.680.695.770
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch - PVN	-	82.823.831.880
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	-	45.836.112.858
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	-	39.244.699.624
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	67.720.110.222	54.404.858.891
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	56.895.141.646	7.795.372.700
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	56.150.054.640	7.207.051.977
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	17.564.745.710	23.091.999.052
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	11.621.832.468	40.312.789.699
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	9.785.963.295	14.294.158.652
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	5.197.378.065	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	4.873.828.556	3.947.951.289
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	2.855.766.278	1.132.610.762
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	2.509.561.230	2.509.561.230
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	1.564.963.164	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	707.746.640	1.673.394.318
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	-	4.523.834.593
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	-	3.785.475.000
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	-	1.987.351.601
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay ngắn hạn	-	955.033.981.983
- Vay dài hạn	955.033.981.983	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được hào lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn hào lãnh	Dư nợ hào lãnh tại ngày 31/12/2014	Dư nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2014	Dư phòng nghĩa vụ nợ phải trả tại ngày 31/12/2014
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	36.834.232.037
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	34.972.943.665
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	7.156.483.663
PVC-Metal	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/9/2012	18.418.688.119	18.418.688.119	-
PVC-IMICO	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PGD Ngô Quyền	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 21/4/2012	99.700.000.000	99.700.000.000	-
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/12/2012	48.563.059.336	48.563.059.336	-
PVC - KBC	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Từ ngày 19/12/2011 đến ngày 30/6/2012	31.954.650.159	31.954.650.159	-
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/12/2012	127.726.771.148	127.726.771.148	127.726.771.148
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
	Cộng dư nợ hào lãnh vay vốn ngắn hạn đã quá hạn		564.218.260.756	564.218.260.756	206.690.430.513
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 09/3/2010 đến ngày 08/3/2015	4.126.586.477	-	-
Tổng cộng			568.344.847.233	564.218.260.756	206.690.430.513

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)**

Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND. Ngoài ra, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 564 tỷ VND. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 126 tỷ VND. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải chấp các thư bảo lãnh.

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, dự án đang tạm dừng triển khai. Tổng Công ty đang đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

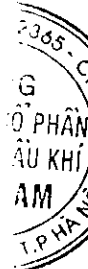
39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 sẽ được điều chỉnh trong tương lai. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLTK phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty tại các công ty không nằm trong danh sách các công ty được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015 với giá bán theo giá trị thị trường tại thời điểm bán nhưng không thấp hơn giá trị đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

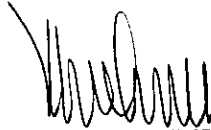
40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Vũ Thị Thu Hải
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc